

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TV XD TẤN ĐẠT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101558172

**3. Ngày thành lập:** 06/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nam Tượng 2, Xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919330768

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng - công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc và kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình, địa chất công trình xây dựng. Tư vấn lập dự án đầu tư, lập dự toán, lập tổng dự toán công trình, lập hồ sơ hoàn công các công trình; Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng. Lập hồ sơ mời thầu, dự thầu, tư vấn đấu thầu. | 7110(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4102        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng; lắp đặt thiết bị báo cháy, chữa cháy, chống sét, báo trộm, camera                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4322        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4291        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, và công trình xử lý ô nhiễm môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HUỖNH CÔNG VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 211851140

Ngày cấp: 28/03/2016

Nơi cấp: Công an Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Lâm, Xã Nhơn Lộc, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nam Tượng 2, Xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định